

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Phan Hiếu Hiền**, 1996. Phương pháp bố trí thí nghiệm và xử lý số liệu thực nghiệm, Tủ sách Đại Học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh.
2. **Võ Văn Huy** và các tác gia khác, 1997. Ứng dụng Spss for windows để xử lý và phân tích dữ kiện nghiên cứu marketing, quản trị, kinh tế, y học, tâm lý, xã hội, Nxb. Khoa Học và Kỹ Thuật.
3. **Vũ Tiến Hình** và các tác giả khác, 1992. Điều tra, quy hoạch và điều chế rừng, Trường Đại Học Lâm Nghiệp.
4. **Vũ Tiến Hình**, 2003. Sản lượng rừng, Nxb. Nông Nghiệp, Hà Nội.
5. **Nguyễn Ngọc Kiểng**, 1996. Thống kê học trong nghiên cứu khoa học, Nxb. Giáo Dục.
6. **Nguyễn Ngọc Kiểng**, 2000. Thống kê học ứng dụng: Các kiểu mẫu thí nghiệm, Tủ sách Đại Học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh.
7. **Nguyễn Văn Liệu** và các tác gia khác, 2000. SPSS- Ứng dụng phân tích dữ liệu trong quản trị kinh doanh và khoa học tự nhiên - xã hội, Nxb. Giao Thông Vận Tải.
8. **Trần Bá Nhẫn** và Đinh Thái Hoàng, 1998. Lý thuyết thống kê ứng dụng trong quản trị, kinh doanh và nghiên cứu kinh tế, Nxb. Thống Kê.
9. **Nguyễn Hải Tuất**, 1982. Thống kê toán học trong lâm nghiệp, Nxb. Nông Nghiệp, Hà Nội.
10. **Nguyễn Văn Thêm**, 1996. Thực hành sinh thái rừng, Tủ sách Đại Học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh.
11. **Nguyễn Văn Thêm**, 1998. Phương pháp điều tra quần xã thực vật, Tủ sách Đại Học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh.
12. **V.I. Vasilevich**, 1969. Những phương pháp thống kê trong địa thực vật, Nxb. “Khoa học”, Leningrad (tiếng Nga).
13. **E.C. Ventsen**, 1969. Lý thuyết xác suất, Nxb. “Khoa học”, Moxkva (tiếng Nga).
14. **Greig – Smith P**, 1964. Quantitative plant ecology, Ed. 2. London.
15. **David R. Anderson**, Dennis J. Sweeney, Thomas A. Williams, 2002. Statistics for business and economics, 8th ed., BookMasters, Inc.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. ANOVA một yếu tố được bố trí ngẫu nhiên

TT	D, cm	Địa hình	TT	D, cm	Địa hình	TT	D, cm	Địa hình
1	27.5	1	16	48	2	31	49.5	3
2	25.5	1	17	49	2	32	45.5	3
3	26.5	1	18	48.5	2	33	46.5	3
4	28.5	1	19	50	2	34	42.5	3
5	27.5	1	20	46.5	2	35	43.5	3
6	32.5	1	21	43.5	2	36	42.5	3
7	35.5	1	22	42.5	2	37	39.5	3
8	39.5	1	23	45.5	2	38	40.5	3
9	37.5	1	24	38.5	2	39	37.5	3
10	35.5	1	25	39.5	2	40	38.5	3
11	45.5	1	26	47.5	2	41	36.5	3
12	43.5	1	27	37.5	2	42	37.5	3
13	43.5	1	28	36.5	2	43	35.5	3
14	44.5	1	29	35.5	2	44	34.5	3
15	40.5	1	30	34.5	2	45	37.5	3

Phụ lục 2. ANOVA một yếu tố được bố trí theo khối ngẫu nhiên

TT	H, cm	Nghiem	Khối	TT	H, cm	Nghiem	Khối
1	73.2	1	1	11	81.2	3	3
2	81.0	1	2	12	81.0	3	4
3	90.4	1	3	13	81.6	4	1
4	76.6	1	4	14	98.6	4	2
5	82.8	2	1	15	83.0	4	3
6	84.8	2	2	16	94.4	4	4
7	86.8	2	3	17	85.2	5	1
8	84.8	2	4	18	97.2	5	2
9	76.4	3	1	19	84.2	5	3
10	83.0	3	2	20	99.2	5	4

Phụ lục 3. ANOVA một yếu tố được bố trí theo kiểu bình phương la tinh

TT	H, cm	Nghiệm	TT. Hàng	TT. Cột	TT	H, cm	Nghiệm	TT. Hàng	TT. Cột
1	67	1	1	1	19	24	4	1	4
2	46	2	2	1	20	2	6	2	4
3	47	3	3	1	21	13	5	3	4
4	28	4	4	1	22	90	1	4	4
5	15	5	5	1	23	42	3	5	4
6	7	6	6	1	24	86	2	6	4
7	62	2	1	2	25	9	5	1	5
8	62	1	2	2	26	54	3	2	5
9	5	6	3	2	27	35	4	3	5
10	43	3	4	2	28	3	6	4	5
11	42	4	5	2	29	81	2	5	5
12	23	5	6	2	30	105	1	6	5
13	30	3	1	3	31	5	6	1	6
14	15	5	2	3	32	19	4	2	6
15	65	1	3	3	33	57	2	3	6
16	61	2	4	3	34	17	5	4	6
17	8	6	5	3	35	87	1	5	6
18	58	4	6	3	36	45	3	6	6

Phụ lục 4. ANOVA hai yếu tố được bố trí theo khối ngẫu nhiên

TT	H, cm	Khối	Đạm	Lân	TT	H, cm	Khối	Đạm	Lân
1	60	1	1	1	24	82	4	2	2
2	56	2	1	1	25	84	5	2	2
3	58	3	1	1	26	100	1	2	3
4	62	4	1	1	27	80	2	2	3
5	60	5	1	1	28	78	3	2	3
6	70	1	1	2	29	76	4	2	3
7	76	2	1	2	30	74	5	2	3
8	84	3	1	2	31	104	1	3	1
9	80	4	1	2	32	96	2	3	1
10	76	5	1	2	33	98	3	3	1
11	96	1	1	3	34	90	4	3	1
12	92	2	1	3	35	92	5	3	1
13	92	3	1	3	36	90	1	3	2

(xem tiếp trang sau)

Phụ lục 4. ANOVA hai yếu tố được bố trí theo khối ngẫu nhiên (Tiếp)

TT	H, cm	Khối	Đạm	Lân	TT	H, cm	Khối	Đạm	Lân
14	94	4	1	3	37	84	2	3	2
15	86	5	1	3	38	86	3	3	2
16	116	1	2	1	39	80	4	3	2
17	120	2	2	1	40	82	5	3	2
18	124	3	2	1	41	78	1	3	3
19	112	4	2	1	42	80	2	3	3
20	120	5	2	1	43	76	3	3	3
21	92	1	2	2	44	74	4	3	3
22	90	2	2	2	45	80	5	3	3
23	96	3	2	2	46				

Phụ lục 5. ANOVA hai yếu tố được bố trí ngẫu nhiên

TT	H, cm	TTcây	Đạm	Lân	TT	H, cm	TTcây	Đạm	Lân	TT	H, cm	TTcây	Đạm	Lân
1	55	1	1	1	23	61	8	1	2	45	55	15	1	3
2	51	2	1	1	24	57	9	1	2	46	55	1	2	1
3	53	3	1	1	25	59	10	1	2	47	51	2	2	1
4	57	4	1	1	26	61	11	1	2	48	53	3	2	1
5	55	5	1	1	27	56	12	1	2	49	57	4	2	1
6	65	6	1	1	28	54	13	1	2	50	55	5	2	1
7	52	7	1	1	29	60	14	1	2	51	65	6	2	1
8	54	8	1	1	30	59	15	1	2	52	52	7	2	1
9	55	9	1	1	31	55	1	1	3	53	54	8	2	1
10	51	10	1	1	32	61	2	1	3	54	55	9	2	1
11	58	11	1	1	33	60	3	1	3	55	51	10	2	1
12	57	12	1	1	34	56	4	1	3	56	58	11	2	1
13	56	13	1	1	35	57	5	1	3	57	57	12	2	1
14	59	14	1	1	36	55	6	1	3	58	56	13	2	1
15	61	15	1	1	37	59	7	1	3	59	59	14	2	1
16	57	1	1	2	38	61	8	1	3	60	61	15	2	1
17	54	2	1	2	39	55	9	1	3	61	57	1	2	2
18	57	3	1	2	40	57	10	1	3	62	54	2	2	2
19	53	4	1	2	41	54	11	1	3	63	57	3	2	2
20	61	5	1	2	42	56	12	1	3	64	53	4	2	2
21	58	6	1	2	43	61	13	1	3	65	61	5	2	2
22	56	7	1	2	44	59	14	1	3	66	58	6	2	2

Phụ lục 5. ANOVA hai yếu tố được bố trí ngẫu nhiên (Tiếp)

<i>TT</i>	H, cm	TTcây	Đạm	Lân	<i>TT</i>	H, cm	TTcây	Đạm	Lân	<i>TT</i>	H, cm	TTcây	Đạm	Lân
67	56	7	2	2	92	61	2	3	1	113	71	8	3	2
68	61	8	2	2	93	63	3	3	1	114	67	9	3	2
69	57	9	2	2	94	67	4	3	1	115	69	10	3	2
70	59	10	2	2	95	65	5	3	1	116	71	11	3	2
71	61	11	2	2	96	75	6	3	1	117	65	12	3	2
72	56	12	2	2	97	62	7	3	1	118	63	13	3	2
73	54	13	2	2	98	64	8	3	1	119	70	14	3	2
74	60	14	2	2	99	65	9	3	1	120	69	15	3	2
75	59	15	2	2	89	59	14	2	3	121	65	1	3	3
76	55	1	2	3	90	55	15	2	3	122	71	2	3	3
77	61	2	2	3	91	65	1	3	1	123	70	3	3	3
78	60	3	2	3	92	61	2	3	1	124	65	4	3	3
79	56	4	2	3	93	63	3	3	1	125	67	5	3	3
80	57	5	2	3	94	67	4	3	1	126	65	6	3	3
81	55	6	2	3	95	65	5	3	1	127	69	7	3	3
82	59	7	2	3	96	75	6	3	1	128	71	8	3	3
83	61	8	2	3	97	62	7	3	1	129	65	9	3	3
84	55	9	2	3	98	64	8	3	1	130	67	10	3	3
85	57	10	2	3	99	65	9	3	1	131	64	11	3	3
86	54	11	2	3	107	64	2	3	2	132	65	12	3	3
87	56	12	2	3	108	67	3	3	2	133	71	13	3	3
88	61	13	2	3	109	63	4	3	2	134	69	14	3	3
89	59	14	2	3	110	71	5	3	2	135	65	15	3	3
90	55	15	2	3	111	67	6	3	2					
91	65	1	3	1	112	65	7	3	2					

Phụ lục 6. ANOVA hai yếu tố được bố trí theo kiểu bình phương la tinh

H, cm	Nghiệm	Hàng	Cột	KT. bầu	NPK	H, cm	Nghiệm	Hàng	Cột	KT. bầu	NPK
67.5	3	1	1	1	3	77.5	5	4	1	2	2
68.8	4	1	2	2	1	76.3	6	4	2	2	3
71.3	6	1	3	2	3	66.3	2	4	3	1	2
59	1	1	4	1	1	72.5	3	4	4	1	3
80	5	1	5	2	2	58.8	1	4	5	1	1
61.3	2	1	6	1	2	63.8	4	4	6	2	1
62.5	2	2	1	1	2	65	4	5	1	2	1
71.3	3	2	2	1	3	78.8	5	5	2	2	2
81.3	5	2	3	2	2	56	1	5	3	1	1
72.5	6	2	4	2	3	68.8	2	5	4	1	2
71.3	4	2	5	2	1	75	6	5	5	2	3
57.5	1	2	6	1	1	66.3	3	5	6	1	3
70	6	3	1	2	3	53.8	1	6	1	1	1
60	1	3	2	1	1	67.5	2	6	2	1	2
68.8	3	3	3	1	3	66.3	4	6	3	2	1
70	4	3	4	2	1	82.5	5	6	4	2	2
63.8	2	3	5	1	2	73.8	3	6	5	1	3
80	5	3	6	2	2	70	6	6	6	2	3

Phụ lục 7. ANOVA hai yếu tố được bố trí theo kiểu lô chính - lô phụ

TT	H, cm	Phương thức	Loài cây	Khối	TT	H, cm	Phương thức	Loài cây	Khối
1	54	1	1	1	19	67	2	2	3
2	58	1	1	2	20	63	2	2	4
3	63	1	1	3	21	81	2	3	1
4	55	1	1	4	22	75	2	3	2
5	60	1	2	1	23	74	2	3	3
6	64	1	2	2	24	78	2	3	4
7	66	1	2	3	25	57	3	1	1
8	63	1	2	4	26	68	3	1	2
9	82	1	3	1	27	66	3	1	3
10	83	1	3	2	28	62	3	1	4
11	87	1	3	3	29	56	3	2	1
12	79	1	3	4	30	65	3	2	2
13	63	2	1	1	31	62	3	2	3
14	53	2	1	2	32	58	3	2	4

Phụ lục 7. ANOVA hai yếu tố được bố trí theo kiểu lô chính - lô phụ (Tiếp)

TT	H, cm	Phương thức	Loài cây	Khối	TT	H, cm	Phương thức	Loài cây	Khối
15	55	2	1	3	33	53	3	3	1
16	52	2	1	4	34	57	3	3	2
17	69	2	2	1	35	55	3	3	3
18	64	2	2	2	36	54	3	3	4

Phụ lục 8. ANOVA ba yếu tố

TT	D, cm	Ánh sáng	Phân bón	Nước	Khối	TT	D, cm	Ánh sáng	Phân bón	Nước	Khối
1	2.49	1	1	1	1	25	3.23	2	3	1	1
2	2.49	1	1	1	2	26	3.26	2	3	1	2
3	2.55	1	1	2	1	27	3.34	2	3	2	1
4	2.55	1	1	2	2	28	3.38	2	3	2	2
5	2.54	1	2	1	1	29	3.38	2	4	1	1
6	2.59	1	2	1	2	30	3.38	2	4	1	2
7	2.63	1	2	2	1	31	3.52	2	4	2	1
8	2.66	1	2	2	2	32	3.48	2	4	2	2
9	2.86	1	3	1	1	33	3.19	3	1	1	1
10	2.8	1	3	1	2	34	3.13	3	1	1	2
11	2.77	1	3	2	1	35	3.31	3	1	2	1
12	2.66	1	3	2	2	36	3.31	3	1	2	2
13	3.58	1	4	1	1	37	3.88	3	2	1	1
14	3.64	1	4	1	2	38	3.82	3	2	1	2
15	3.74	1	4	2	1	39	3.78	3	2	2	1
16	3.44	1	4	2	2	40	3.87	3	2	2	2
17	2.81	2	1	1	1	41	4	3	3	1	1
18	2.76	2	1	1	2	42	4.08	3	3	1	2
19	2.88	2	1	2	1	43	4.07	3	3	2	1
20	2.8	2	1	2	2	44	4.12	3	3	2	2
21	3.03	2	2	1	1	45	3.99	3	4	1	1
22	3.03	2	2	1	2	46	4.05	3	4	1	2
23	3.28	2	2	2	1	47	4.31	3	4	2	1
24	3.09	2	2	2	2	48	4.4	3	4	2	2

Phụ lục 9. ANOCOVA một yếu tố được bố trí ngẫu nhiên

TT	D, cm	Zd, cm	Nghiệm	TT	D, cm	Zd, cm	Nghiệm	TT	D, cm	Zd, cm	Nghiệm
1	4.6	1.8	1	11	5.8	1.9	1	21	1.9	1.9	2
2	5.2	2.3	1	12	1.8	1.4	2	22	4.2	2.1	2
3	3.9	1.8	1	13	4.4	1.7	2	23	3	1.4	2
4	6.5	2.5	1	14	3.3	1.8	2	24	4.7	2	2
5	5.4	2.6	1	15	7.8	2.4	2	25	5.8	2.6	2
6	3.3	2	1	16	5.1	2.3	2	26	7	2.6	2
7	4.9	1.2	1	17	4.3	2.2	2	27	6.7	3.6	2
8	7.6	3.4	1	18	4.4	1.9	2	28	3.1	1.6	2
9	7.1	2.2	1	19	5.8	2.6	2	29	2.1	1.9	2
10	4.1	1.1	1	20	6.3	3.4	2	30	5.6	2	2

Phụ lục 10. ANOCOVA một yếu tố được bố trí ngẫu nhiên

TT	H, m	Zh, m	Nghiệm	TT	H, m	Zh, m	Nghiệm
1	79	1.96	1	21	62	1.22	3
2	65	1.77	1	22	73	1.39	3
3	57	1.62	1	23	58	1.28	3
4	51	1.76	1	24	43	1.28	3
5	57	1.88	1	25	50	1.45	3
6	66	1.5	1	26	44	1.22	3
7	44	1.6	1	27	48	1.31	3
8	41	1.49	1	28	51	1.57	3
9	44	1.77	1	29	40	1.21	3
10	36	1.27	1	30	38	1.06	3
11	61	1.4	2	31	71	1.15	4
12	59	1.79	2	32	60	1.28	4
13	59	1.61	2	33	54	1.4	4
14	53	1.47	2	34	50	1.37	4
15	56	1.69	2	35	60	1.19	4
16	50	1.48	2	36	61	1.18	4
17	45	1.4	2	37	44	1.2	4
18	39	1.42	2	38	53	0.96	4
19	38	1.29	2	39	41	1.13	4
20	45	1.26	2	40	38	1.12	4

Phụ lục 11. ANOCOVA một yếu tố được bố trí theo khối ngẫu nhiên

TT	N, cây	H, cm	Khối	Dòng	TT	N, cây	H, cm	Khối	Dòng
1	28	202	1	1	13	27	191	3	1
2	23	145	1	2	14	28	203	3	2
3	27	188	1	3	15	27	185	3	3
4	24	201	1	4	16	30	238	3	4
5	30	202	1	5	17	26	198	3	5
6	30	228	1	6	18	27	207	3	6
7	22	165	2	1	19	19	134	4	1
8	26	201	2	2	20	24	180	4	2
9	24	185	2	3	21	28	220	4	3
10	28	231	2	4	22	30	261	4	4
11	26	178	2	5	23	29	226	4	5
12	25	221	2	6	24	24	204	4	6

Phụ lục 12. ANOCOVA một yếu tố được bố trí theo kiểu bình phương la tinh

TT	Tỷ lệ bệnh	Zh, cm	Dòng	Khối	Nghiem
1	29.2	19.7	1	1	1
2	34.7	20.7	2	2	1
3	30.2	20.1	3	3	1
4	48.2	14.7	4	4	1
5	4.3	26.7	1	1	2
6	19.3	21.3	2	2	2
7	10.1	28.3	3	3	2
8	14	25.1	4	4	2
9	14	26	1	1	3
10	7.2	24.9	2	2	3
11	6.3	29	3	3	3
12	1	28.7	4	4	3
13	8.9	29.8	1	1	4
14	6.7	29	2	2	4
15	6.4	27.3	3	3	4
16	5.6	34.1	4	4	4

Phụ lục 13. ANOMUCOVA được bố trí theo khối ngẫu nhiên

H, cm	Zh, cm	Nghiệm	Khối	H, cm	Zh, cm	Nghiệm	Khối
183	2.45	1	1	224	3.22	3	1
176	2.25	1	2	258	4.14	3	2
291	4.38	1	3	244	2.32	3	3
254	4.35	1	4	217	4.42	3	4
225	3.42	1	5	192	3.28	3	5
249	3.27	1	6	236	4	3	6
356	6.71	2	1	329	6.34	4	1
300	5.44	2	2	283	5.44	4	2
301	4.92	2	3	308	5.22	4	3
271	5.23	2	4	326	8	4	4
288	6.74	2	5	318	6.96	4	5
258	4.74	2	6	318	6.96	4	6

Phụ lục 14. ANOMUCOVA được bố trí ngẫu nhiên

<i>TT</i>	H, cm	A, tháng	Zh, cm	Nghiệm	<i>TT</i>	H, cm	A, tháng	Zh, cm	Nghiệm
1	78	6	1.4	1	21	78	8	1.67	3
2	90	6	1.79	1	22	83	6	1.41	3
3	94	8	1.72	1	23	79	6	1.73	3
4	71	5	1.47	1	24	70	5	1.23	3
5	99	6	1.26	1	25	85	6	1.29	3
6	80	5	1.28	1	26	83	4	1.22	3
7	83	6	1.34	1	27	71	5	1.39	3
8	75	5	1.55	1	28	66	4	1.59	3
9	62	4	1.57	1	29	67	4	1.56	3
10	67	4	1.26	1	30	67	4	1.36	3
11	78	7	1.61	2	31	77	6	1.4	4
12	99	8	1.31	2	32	71	6	1.47	4
13	80	6	1.12	2	33	78	6	1.37	4
14	75	5	1.35	2	34	70	4	1.15	4
15	94	6	1.29	2	35	95	6	1.22	4
16	91	4	1.24	2	36	96	5	1.48	4
17	75	5	1.29	2	37	71	4	1.31	4
18	63	4	1.43	2	38	63	4	1.27	4
19	62	5	1.29	2	39	62	5	1.22	4
20	67	4	1.26	2	40	67	4	1.36	4

Phụ lục 15. ANOMUCOVA được bố trí theo khối ngẫu nhiên

<i>TT</i>	H, cm	Lr, cm	Zh, cm	Khối	Nghiem
<i>1</i>	25.6	14.9	19	1	1
<i>2</i>	28.5	12.8	25.3	1	2
<i>3</i>	25.4	13.3	22.2	1	3
<i>4</i>	33	14.7	32.8	1	4
<i>5</i>	30.8	4.6	35.3	1	5
<i>6</i>	28	7.5	35.8	1	6
<i>7</i>	25.4	7.2	32.4	2	1
<i>8</i>	25.9	9.2	28.3	2	2
<i>9</i>	28.3	9.5	32.2	2	3
<i>10</i>	32.4	9.7	35.7	2	4
<i>11</i>	35.2	6.8	43.7	2	5
<i>12</i>	24.2	7.5	35.2	2	6
<i>13</i>	27.9	18.6	26.2	3	1
<i>14</i>	23.7	14.4	20.6	3	2
<i>15</i>	34.4	22.2	34.7	3	3
<i>16</i>	27.5	17.6	29.6	3	4
<i>17</i>	32.5	10	40	3	5
<i>18</i>	32.9	7.9	47.2	3	6

Phụ lục 16. Nhập số liệu vào bảng tính đối với kiểu thí nghiệm phân cấp

<i>TT</i>	Dược chất	Cây	Lá	<i>TT</i>	Dược chất	Cây	Lá
<i>1</i>	3.28	1	1	<i>13</i>	2.77	3	1
<i>2</i>	3.09	1	1	<i>14</i>	2.66	3	1
<i>3</i>	3.52	1	2	<i>15</i>	3.74	3	2
<i>4</i>	3.48	1	2	<i>16</i>	3.44	3	2
<i>5</i>	2.88	1	3	<i>17</i>	2.55	3	3
<i>6</i>	2.8	1	3	<i>18</i>	2.55	3	3
<i>7</i>	2.46	2	1	<i>19</i>	3.78	4	1
<i>8</i>	2.44	2	1	<i>20</i>	3.87	4	1
<i>9</i>	1.87	2	2	<i>21</i>	4.07	4	2
<i>10</i>	1.92	2	2	<i>22</i>	4.12	4	2
<i>11</i>	2.19	2	3	<i>23</i>	3.31	4	3
<i>12</i>	2.19	2	3	<i>24</i>	3.31	4	3

Phụ biểu 17. Sự kết nhóm giữa các loài cây gỗ

Thứ tự	Trắc	Hà nu	Chò xốt	Lành ngạnh	Chò xốt-Lành ngạnh	Hà nu - Lành ngạnh
1	1	1	0	0	0	0
2	0	1	0	0	0	0
3	1	1	1	0	0	0
4	1	1	1	1	1	1
5	1	1	0	1	0	1
6	1	1	0	1	0	1
7	1	1	0	0	0	0
8	0	1	0	1	0	1
9	1	0	1	1	1	0
10	1	0	1	1	1	0
11	1	1	1	0	0	0
12	1	1	1	1	1	1
13	0	0	1	1	1	0
14	0	1	1	1	1	1
15	1	1	1	0	0	0
16	0	1	0	1	0	1
17	1	1	1	0	0	0
18	0	1	1	1	1	1
19	1	1	0	0	0	0
20	1	0	1	1	1	0
21	1	0	1	1	1	0
22	1	1	1	1	1	1
23	0	1	1	1	1	1
24	0	1	1	0	0	0
25	0	1	0	1	0	1
26	0	1	0	1	0	1
27	1	1	0	0	0	0
28	1	0	1	1	1	0
29	1	1	0	1	0	1
30	0	0	1	1	1	0
31	1	0	1	1	1	0
32	1	1	0	1	0	1
33	1	1	1	0	0	0
34	1	0	0	1	0	0

(Tiếp phụ biểu 17)

Thứ tự	Trắc	Hà nu	Chò xốt	Lãnh ngạch	Chò xốt-Lãnh ngạch	Hà nu - Lãnh ngạch
35	1	0	1	0	0	0
36	0	1	1	1	1	1
37	0	1	1	0	0	0
38	1	0	1	1	1	0
39	0	1	1	0	0	0
40	1	1	0	1	0	1
41	0	1	1	0	0	0
42	1	0	1	1	1	0
43	0	1	1	1	1	1
44	1	1	1	1	1	1
45	0	1	1	0	0	0
46	1	0	1	1	1	0
47	0	1	1	0	0	0
48	1	1	1	0	0	0
49	0	1	1	1	1	1
50	1	1	0	1	0	1
51	0	1	0	1	0	1
52	1	0	1	1	1	0
53	1	1	1	0	0	0
54	0	1	1	1	1	1
55	1	1	1	1	1	1
56	1	1	0	1	0	1
57	0	1	0	1	0	1
58	1	1	1	0	0	0
59	1	0	0	1	0	0
60	1	0	1	0	0	0
61	1	1	1	0	0	0
62	0	1	0	1	0	1
63	0	1	1	0	0	0
64	1	1	0	0	0	0
65	1	1	1	1	1	1
66	1	0	0	0	0	0
67	1	1	0	1	0	1

(Tiếp phụ biểu 17)

Thứ tự	Trắc	Hà nu	Chò xốt	Lành ngành	Chò xốt-Lành ngành	Hà nu - Lành ngành
68	0	1	1	1	1	1
69	1	1	0	0	0	0
70	1	0	1	0	0	0
71	0	1	1	1	1	1
72	1	1	1	1	1	1
73	0	1	1	1	1	1
74	0	1	1	0	0	0
75	1	0	1	1	1	0
76	0	0	1	0	0	0
77	0	1	1	0	0	0
78	0	0	0	0	0	0
79	1	1	0	0	0	0
80	1	1	1	1	1	1
81	0	1	1	0	0	0
82	0	0	1	1	1	0
83	1	0	1	0	0	0
84	0	0	1	1	1	0
85	1	1	0	0	0	0
86	1	0	1	0	0	0
87	1	0	0	1	0	0
88	0	1	0	1	0	1
89	0	1	1	0	0	0
90	1	1	0	0	0	0
91	1	0	0	1	0	0
92	1	0	1	0	0	0
93	1	0	1	1	1	0
94	1	1	1	1	1	1
95	1	1	1	0	0	0
96	1	0	0	1	0	0
97	1	1	0	1	0	1
98	0	0	0	0	0	0
99	0	1	1	0	0	0

(Tiếp phụ biểu 17)

Thứ tự	Trắc	Hà nu	Chò xốt	Lành ngành	Chò xốt-Lành ngành	Hà nu - Lành ngành
100	1	1	0	0	0	0
101	0	1	1	0	0	0
102	0	0	1	1	1	0
103	1	0	0	0	0	0
104	0	1	0	1	0	1
105	0	0	1	1	1	0
106	1	1	0	0	0	0
107	0	0	1	1	1	0
108	0	1	0	1	0	1
109	1	1	0	0	0	0
110	0	0	0	1	0	0
111	1	1	0	0	0	0
112	0	1	1	0	0	0
113	1	0	0	0	0	0
114	1	1	1	0	0	0
115	0	0	0	0	0	0
116	0	1	1	1	1	1
117	1	0	0	1	0	0
118	0	1	0	1	0	1
119	0	1	1	1	1	1
120	1	1	1	0	0	0
121	1	0	1	0	0	0
122	0	1	0	1	0	1
123	0	0	0	1	0	0
124	1	1	0	0	0	0
125	0	0	0	0	0	0
126	1	1	0	0	0	0
127	0	1	1	1	1	1
128	1	1	0	0	0	0
129	1	0	0	0	0	0
130	0	0	1	1	1	0
131	1	0	0	1	0	0

(Tiếp phụ biểu 17)

Thứ tự	Trắc	Hà nu	Chò xốt	Lành ngành	Chò xốt-Lành ngành	Hà nu - Lành ngành
132	1	0	0	0	0	0
133	0	0	1	0	0	0
134	1	1	0	0	0	0
135	1	1	1	0	0	0
136	0	1	1	0	0	0
137	0	1	1	0	0	0
138	1	1	1	0	0	0
139	1	1	0	1	0	1
140	0	0	1	0	0	0
141	0	1	1	0	0	0
142	1	1	0	0	0	0
143	0	0	1	1	1	0
144	1	1	0	1	0	1
145	1	1	1	0	0	0
146	1	0	0	1	0	0
147	1	0	1	1	1	0
148	1	0	1	0	0	0
149	0	1	1	1	1	1
150	1	0	1	1	1	0
151	1	0	0	1	0	0
152	1	1	1	0	0	0
153	1	1	0	0	0	0
154	0	0	1	1	1	0
155	1	1	0	1	0	1
156	0	0	1	1	1	0
157	1	1	0	0	0	0
158	0	0	1	1	1	0
159	0	0	1	1	1	0
160	1	0	1	0	0	0
161	1	1	0	1	0	1
162	1	0	0	1	0	0
163	1	0	1	1	1	0
164	1	0	1	1	1	0

(Tiếp phụ biểu 17)

Thứ tự	Trắc	Hà nu	Chò xốt	Lành ngạnh	Chò xốt-Lành ngạnh	Hà nu - Lành ngạnh
165	1	0	1	1	1	0
166	1	0	1	0	0	0
167	0	1	1	0	0	0
168	0	0	1	1	1	0
169	1	1	0	1	0	1
170	0	1	1	0	0	0
171	1	0	1	0	0	0
172	1	0	0	1	0	0
173	1	0	1	1	1	0
174	0	0	1	0	0	0
175	1	1	1	1	1	1
176	1	0	1	1	1	0
177	1	0	1	0	0	0
178	0	0	1	0	0	0
179	0	1	1	0	0	0
180	1	0	1	1	1	0
181	1	1	0	0	0	0
182	1	0	1	1	1	0
183	0	0	1	1	1	0
184	1	0	1	0	0	0
185	1	0	1	1	1	0
186	1	0	1	1	1	0
187	0	1	1	1	1	1
188	0	1	0	1	0	1
189	0	1	1	1	1	1
190	1	1	0	0	0	0
191	1	1	0	1	0	1
192	1	1	0	1	0	1
193	1	1	0	1	0	1
194	0	1	1	0	0	0
195	0	1	0	1	0	1
196	1	0	0	1	0	0

(Tiếp phụ biểu 17)

Thứ tự	Trắc	Hà nu	Chò xốt	Lành ngành	Chò xốt-Lành ngành	Hà nu - Lành ngành
197	1	0	1	1	1	0
198	1	1	1	1	1	1
199	1	1	0	0	0	0
200	0	1	0	0	0	0
201	1	0	1	1	1	0
202	0	1	0	0	0	0
203	1	1	0	1	0	1
204	1	1	1	1	1	1
205	0	1	0	1	0	1
206	0	0	0	1	0	0
207	1	0	1	0	0	0
208	1	1	0	1	0	1
209	0	1	1	0	0	0
210	1	1	1	0	0	0
211	1	1	0	1	0	1
212	0	1	0	0	0	0
213	0	1	1	0	0	0
214	1	1	1	1	1	1
215	1	0	1	1	1	0
216	1	1	1	0	0	0
217	1	1	0	1	0	1
218	0	1	1	0	0	0
219	1	0	1	1	1	0
220	1	1	0	0	0	0
221	0	1	0	1	0	1
222	0	0	1	0	0	0
223	1	1	1	0	0	0
224	1	1	0	0	0	0
225	0	0	1	1	1	0
226	0	1	1	0	0	0
227	1	1	0	1	0	1
228	1	1	1	1	1	1

(Tiếp phụ biểu 17)

Thứ tự	Trắc	Hà nu	Chò xốt	Lành ngành	Chò xốt-Lành ngành	Hà nu - Lành ngành
229	0	0	1	0	0	0
230	0	1	0	1	0	1
231	1	0	1	1	1	0
232	1	1	0	1	0	1
233	1	0	1	1	1	0
234	0	0	0	1	0	0
235	0	1	1	0	0	0
236	1	1	0	0	0	0
237	1	0	1	1	1	0
238	0	1	0	0	0	0
239	1	1	0	1	0	1
240	1	0	1	0	0	0
241	0	1	1	0	0	0
242	0	0	1	0	0	0
243	1	0	1	1	1	0
244	1	0	0	1	0	0
245	0	1	1	1	1	1
246	1	1	0	0	0	0
247	1	1	1	0	0	0
248	1	0	0	0	0	0
249	1	1	0	1	0	1
250	1	0	1	1	1	0